

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Mã số: 100.1IIE.M.12

Nguyễn Thị Thanh Hiếu
Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân
Email: ntthanhhieuneu@gmail.com

Ngày nhận: 18/10/2016

Ngày nhận lại: 13/11/2016

Ngày duyệt đăng: 25/11/2016

Việt Nam có đường biên giới đất liền với Trung Quốc dài hơn 1.450 km, kéo dài từ Đông Bắc đến Tây Bắc. Trải qua biến động thăng trầm của lịch sử, năm 2008 lãnh đạo hai nước đã nhất trí xây dựng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Thời gian gần đây kim ngạch thương mại giữa hai nước có bước phát triển mạnh mẽ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước năm 2015 lên tới 66,6 tỷ USD, trong đó Việt Nam nhập siêu 32,385 tỷ USD. Nội dung bài viết này dựa trên lý thuyết về cán cân thương mại để phân tích tình hình và cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giữa hai quốc gia trong giai đoạn 2011-2015 để rút ra nguyên nhân nhập siêu của Việt Nam và đề ra các giải pháp chung nhằm cải thiện cán cân thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu.

Từ khóa: Cán cân thương mại; Việt Nam; Trung Quốc

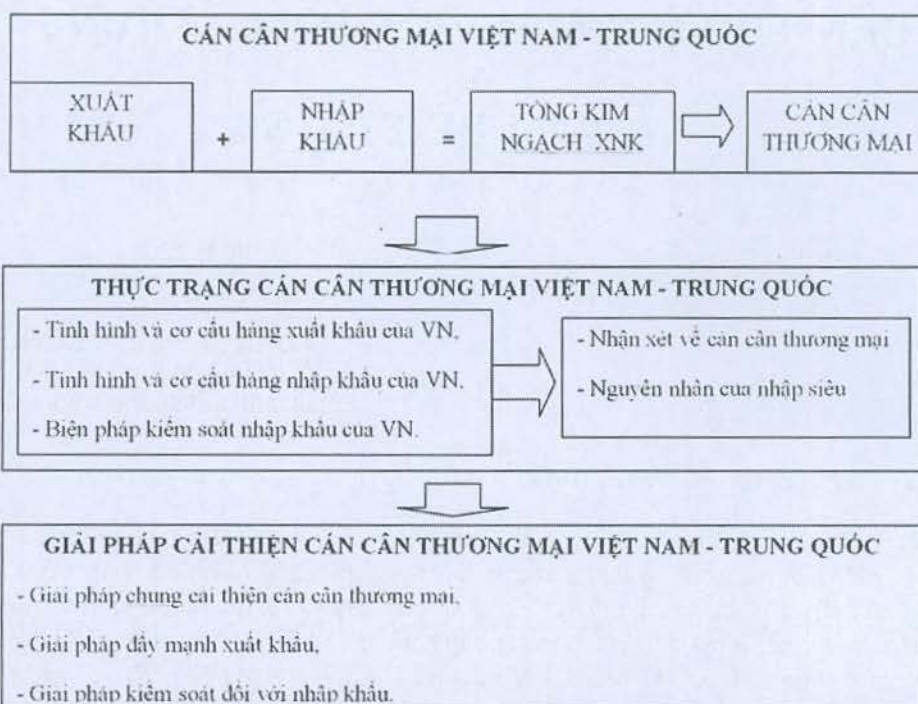
1. Đặt vấn đề:

Hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương đúng đắn và sáng suốt của Đảng và Nhà nước, tính đến năm 2016, Việt Nam có quan hệ thương mại với 224 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2015, Việt Nam - Trung Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao được 65 năm (18/1/1950 - 18/1/2015). Sau thời gian mở cửa nền kinh tế, xuất khẩu nước ta có bước tăng trưởng khá với Trung Quốc. Trước năm 2000, Việt Nam luôn ở thế xuất siêu. Bắt đầu từ năm 2001 Việt Nam nhập siêu gần 200 triệu USD, đến năm 2015, nhập siêu lên tới hơn 32 tỷ USD, tăng hơn 160 lần so với năm 2000. Bởi vậy, bài viết phân tích tình hình và cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc và các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt Nam trong giai đoạn 2011- 2015, để tìm ra nguyên nhân nhập siêu của Việt Nam và đề xuất các giải

pháp có căn cứ khoa học nhằm cải thiện cán cân thương mại giữa hai nước.

2. Mô hình nghiên cứu cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc

Đặng Đình Đào & Hoàng Đức Thân (2012), khi đề cập đến công cụ quản lý thương mại đã nêu khái niệm, vai trò của cán cân thương mại trong quản lý xuất nhập khẩu, nhấn mạnh tác động của nó đến cán cân thanh toán quốc tế và phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ. Nguyễn Văn Lịch và cộng sự (2008) nghiên cứu xây dựng một số giải pháp nhằm cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam trong quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc. Nhưng sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, quan hệ thương mại hai chiều có sự phát triển vượt bậc so với những năm 2007 trở về trước; bởi vậy, tác giả sử dụng mô hình nghiên cứu sau:



3. Thực trạng cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2015

3.1. Tình hình và cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2015

Thông qua nghiên cứu tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc có thể rút ra nhận xét sau:

Thứ nhất, cùng với thị trường Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, ASEAN, Trung Quốc đã trở thành

thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, hơn nữa đây còn là thị trường thuộc loại "dễ tính", thuận tiện về ký kết hợp đồng và vận chuyển hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam. Thị trường này có thể nhập khẩu mọi hàng hóa của Việt Nam từ rau, củ, quả, nguyên nhiên vật liệu tới máy móc, linh kiện điện tử... Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mới đạt 7,7 tỷ USD thì năm 2011 tăng lên 11,13 tỷ USD và năm 2015 đạt 17,11 tỷ USD (Bảng 1).

Bảng 1: Cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 2011-2015

Năm	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Tổng kim ngạch XNK (tỷ USD)	Cán cân thương mại (tỷ USD)
	Trị giá (tỷ USD)	Tỷ trọng trong tổng XK (%)	Trị giá (tỷ USD)	Tỷ trọng trong tổng NK (%)		
2011	11,13	11,5	24,59	22,9	35,72	-13,47
2012	12,388	10,8	28,785	25,3	41,173	-16,379
2013	13,233	10,0	36,938	28,0	50,17	-23,705
2014	14,931	9,9	43,713	29,6	58,64	-29,6
2015	17,113	10,6	49,499	29,9	66,612	-32,385

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam, Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam

Thứ hai, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam với khoảng 100 mặt hàng, tập trung vào 4 nhóm chính: nhóm nguyên nhiên liệu: dầu thô, than, quặng kim loại, các loại hạt có dầu, dược liệu (cây làm thuốc); nhóm nông sản: lương thực (gạo, sắn, ngô), rau củ quả (đặc biệt là các loại hoa quả nhiệt đới như: chuối, xoài, chôm chôm, thanh long...), chè, hạt điều; nhóm thủy sản: thủy sản tươi sống, thủy sản đông lạnh, một số loại mang tính đặc sản như: rắn, rùa, ba ba; nhóm hàng tiêu dùng: hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, đồ gỗ cao cấp, bột giặt, bánh kẹo (Bảng 2).

nước trong khu vực ASEAN và có khoảng cách rất xa so với Hàn Quốc và Nhật Bản.

Thứ tư, thị trường xuất khẩu của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào Trung Quốc

Riêng nhóm hàng nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng 31,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc và 20,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Theo báo cáo cập nhật từ Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại (Bộ Công Thương), 8 tháng đầu năm 2016, Việt Nam xuất siêu hơn 1 tỷ USD rau quả. Trong số các thị trường nhập rau quả Việt Nam, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất,

Bảng 2: Cơ cấu các nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam 2011-2015

Nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu	2011		2012		2013		2014		2015	
	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.058	9,5	1.892	15,3	2.090	15,8	2.191	14,7	2.647	15,5
Xơ, sợi dệt các loại	548	4,9	635	5,1	900	6,8	1.245	8,3	1.365	8,0
Dầu thô	1.076	9,7	1.032	8,3	668	5,0	1.229	8,2	810	4,7
Sắn & các sản phẩm từ sắn	860	7,7	1.179	9,5	942	7,1	964	6,5	1.168	6,8
Gỗ & sản phẩm gỗ	626	5,6	715	5,8	1.051	7,9	893	6,0	975	5,7
Gạo			898	7,2	900	6,8	891	6,0	856	5,0
Cao su	1.938	17,4	1.326	10,7	1.129	8,5	765	5,1	763	4,5
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác							586	3,9	714	4,2

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam, Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam

Thứ ba, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc phần lớn là xuất khẩu “thô nhiều hơn tinh”

Mặc dù có nỗ lực cải biến cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo chiều hướng tích cực nhưng nhóm hàng xăng dầu và các hàng hóa sơ chế vẫn chiếm tỷ trọng lớn khoảng 35%. Xét về hàm lượng công nghệ hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc thua kém phần lớn các

chiếm đến 70% với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,09 tỷ USD, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này một mặt, phản ánh sự nỗ lực của Việt Nam; mặt khác nếu phía Trung Quốc điều chỉnh chính sách thương mại, áp dụng các công cụ kỹ thuật kiểm soát hàng nhập khẩu thì xuất khẩu Việt Nam ngay lập tức gặp khó khăn; thực tế sản xuất và xuất khẩu trong thời gian Trung Quốc kéo dài khoản đến Biển Đông là minh chứng rõ nét.

3.2. Tình hình và cơ cấu hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc, giai đoạn 2011-2015

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc tăng rất nhanh và tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng xuất khẩu

Trong quan hệ thương mại hai chiều, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của nhập khẩu khoảng 30%, trong khi giá trị xuất khẩu chỉ tăng khoảng 20%. Về giá trị, hàng hóa nhập khẩu tăng 35 lần sau 15 năm, từ 1,4 tỷ USD năm 2000 lên 49,49 tỷ USD năm 2015. Trong thời gian đó, giá trị hàng xuất khẩu chỉ tăng 11 lần, từ mức 1,5 tỷ USD năm 2000 lên 17,11 tỷ USD năm 2015. Trung Quốc là một trong những bạn hàng lớn nhất của Việt Nam, nếu như năm 2002, nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm 8,9% tổng nhập khẩu, thì đến năm 2011, tỷ lệ này đã là 22,9% và tăng lên 29,9% vào năm 2015 (Bảng 3).

Thứ hai, cơ cấu mặt hàng nhập khẩu khá phong phú, từ rau, củ, quả, nguyên nhiên vật liệu đến thiết bị máy móc.

Trong các mặt hàng mà Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc, bình quân có khoảng 30 mặt hàng đạt kim ngạch trên 100 triệu USD, trong đó có mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, lớn nhất là máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng; tiếp đến là điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; vải; sắt thép; xăng dầu.

Thứ ba, các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là những mặt hàng thuộc nhóm nguyên vật liệu và thiết bị máy móc để sản xuất hàng xuất khẩu

Những hàng hóa chúng ta nhập khẩu từ Trung Quốc tập trung vào nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo là chính, trong đó có 9 nhóm hàng thường đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD như máy

Bảng 3: Cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam 2011-2015

Các mặt hàng nhập khẩu chính	2011		2012		2013		2014		2015	
	Trị giá triệu USD	Tỷ trọng (%)	Trị giá triệu USD	Tỷ trọng (%)	Trị giá triệu USD	Tỷ trọng (%)	Trị giá triệu USD	Tỷ trọng (%)	Trị giá triệu USD	Tỷ trọng (%)
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng	5.182	21,1	5.190	18,0	6.561	17,8	7.853	18,0	9.019	18,2
Điện thoại các loại và linh kiện	1.744	7,1	3.426	11,9	5.698	15,4	6.346	14,5	6.901	13,9
Vải các loại	2.799	11,4	3.041	10,6	3.870	10,5	4.660	10,7	5.223	10,6
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.362	9,6	3.336	11,6	4.501	12,2	4.572	10,5	5.205	10,5
Sắt thép các loại	1.489	6,1	1.757	6,1	2.393	6,5	3.813	8,7	4.156	8,4
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	814	3,3	963	3,3	1.210	3,3	1.542	3,5	1.778	3,6
Xăng dầu các loại	1.300	5,3	1.251	4,3	1.268	3,4	1.518	3,5		
Sản phẩm từ sắt thép	596	2,4	801	2,8	840	2,3	1.027	2,3	1.320	2,7
Hóa chất	679	2,8	752	2,6	834	2,3	988	2,3		

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam, Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam

móc thiết bị, phụ tùng; sắt thép các loại; điện thoại các loại và linh kiện; hóa chất; sản phẩm từ chất dẻo; ô tô các loại; vải các loại; nguyên phụ liệu dệt may da giày... dùng để sản xuất hàng xuất khẩu sang các nước khác như EU, Mỹ và Nhật Bản, từ đó khiến Việt Nam nhập siêu với Trung Quốc nhưng lại xuất siêu với các nước khác.

Bảng 4: Xuất, nhập khẩu của Trung Quốc với Việt Nam giai đoạn 2011-2015

Đơn vị tính: USD

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
XK TQ sang VN	29.091.568.152	34.212.586.980	48.586.298.201	63.731.484.569	66.381.154.152
NK của TQ từ VN	11.116.531.136	16.229.125.413	16.891.892.668	19.900.251.688	25.127.731.478
Nhập siêu của VN (*)	17.975.037.016	17.983.451.567	31.694.405.533	43.831.232.881	41.253.442.674

Nguồn: Báo cáo XNK của Trung Quốc lên WTO và tính toán của Tác giả (*)

Thứ tư, Việt Nam nhập khẩu rồi “xuất khẩu” Trung Quốc

Hiện Việt Nam đã ký được 13 Hiệp định thương mại tự do (FTA). Nhưng với cơ cấu và định hướng kinh tế như hiện nay, nếu không nhập khẩu từ Trung Quốc thì cũng phải nhập từ một nước khác để đẩy mạnh xuất khẩu. Việt Nam đang phụ thuộc vào nhập khẩu từ Trung Quốc, lớn nhất khu vực Đông Nam Á, nhất là với mặt hàng nông sản như cao su, cà phê, chè, gỗ, thủy hải sản và ngũ cốc.

Thứ năm, mặc dù Chính phủ đề ra các biện pháp giảm nhập khẩu, phát triển sản xuất trong nước nhưng kết quả kiểm soát nhập siêu không được như mong muốn

Để hạn chế nhập khẩu nói chung và nhập khẩu từ Trung Quốc nói riêng, Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau như: đánh thuế hàng nhập cao đối với hàng nhập khẩu nguyên chiếc so với nhập khẩu phụ tùng; thuế theo mức độ nội địa hóa; hạn chế nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng trong nước sản xuất được... nhưng hiệu quả đạt được là không cao.

3.3. Nhận xét về cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc và nguyên nhân nhập siêu của Việt Nam

Chúng ta tham khảo số liệu từ phía Trung Quốc công bố tình hình xuất, nhập khẩu giữa hai nước giai đoạn 2011-2015:

Thứ nhất, trong quan hệ thương mại hai chiều Việt Nam - Trung Quốc từ năm 2001 đến nay, Việt Nam luôn trong vị thế nhập siêu và nhập siêu liên tục với số lượng ngày càng lớn. Kỷ lục nhập siêu vào năm 2014 tới 29,6 tỷ USD (Tổng Cục Hải quan Việt Nam), còn theo số liệu của Trung Quốc là 43,8 tỷ USD, các Đại biểu Quốc hội đã lên tiếng về sự chênh lệch số liệu này.

Thứ hai, trong giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của nhập khẩu khoảng 30%, trong khi giá trị xuất khẩu chỉ tăng khoảng 20%; tốc độ nhập khẩu tăng nhanh hơn tốc độ tăng xuất khẩu, khiến cho xuất siêu từ các thị trường khác như EU và Hoa Kỳ không đủ bù đắp nổi, dẫn đến nhập siêu của nền kinh tế nước ta.

Thứ ba, trong cơ cấu thương mại song phương hiện nay, Việt Nam cần và phụ thuộc vào Trung Quốc nhiều hơn là Trung Quốc cần đến Việt Nam, nhất là xuất khẩu nông - lâm - thủy sản; do đó, nếu không đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, Việt Nam

sẽ ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào Trung Quốc trong lĩnh vực thương mại.

Hệ quả là, chỉ cần Trung Quốc điều chỉnh chính sách thương mại hoặc có động thái áp dụng các biện pháp bảo hộ hàng sản xuất trong nước, hỗ trợ xuất khẩu, cấm hoặc hạn chế mặt hàng xuất, nhập khẩu nào đó thì nền kinh tế Việt Nam sẽ đối mặt với không ít khó khăn, cho dù là trong ngắn hạn.

Nguyên nhân nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc

Về khách quan, từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn các nước đều phải nhập khẩu nhiều sắt thép, thiết bị, nguyên vật liệu để xây dựng cơ sở hạ tầng, đổi mới thiết bị. Trung Quốc với lợi thế của nước đi trước đã tận dụng rất tốt cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển kinh tế, làm ra nhiều mặt hàng phù hợp với nhu cầu của thị trường Việt Nam cả về chủng loại, giá cả và tính năng. Trung Quốc đã tận dụng lợi thế về địa lý, sản xuất với quy mô lớn đã mang lại hiệu ứng kinh tế giảm giá thành sản phẩm; cộng với nhu cầu khá giống nhau do hai nước gần gũi về văn hóa. Đồng thời có chính sách thương mại uyển chuyển, khôn khéo tận dụng những ưu đãi của các Hiệp định thương mại tự do mang lại... Những nguyên nhân này khiến Việt Nam hướng nhu cầu nhập khẩu chủ yếu vào thị trường Trung Quốc chứ không phải là các nước khác.

Về chủ quan, do cơ cấu kinh tế không phù hợp, cơ cấu thị trường xuất, nhập khẩu của Việt Nam chậm đổi mới; do mãi mê theo đuổi mô hình tăng trưởng bằng đẩy mạnh xuất khẩu không chú trọng tới phát triển công nghiệp cơ bản như cơ khí, chế tạo và công nghiệp phụ trợ để phát triển sản xuất trong nước, thay thế nhập khẩu dẫn đến nền kinh tế quá phụ thuộc vào thị trường nước ngoài, trong đó có thị trường Trung Quốc. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của sản phẩm nước ta thua kém so với đối thủ cạnh tranh trong khu vực và thế giới. Một số doanh nghiệp và thương nhân Việt Nam, lợi dụng kẽ hở của luật pháp để buôn bán vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, bóp chẹt sản xuất trong nước, cùng với tâm lý chuộng hàng ngoại của người tiêu dùng, gây ra nhập siêu cho nền kinh tế.

4. Các giải pháp và khuyến nghị cải thiện cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc

4.1. Các giải pháp chung đối với cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc

Do vị trí địa lý có chung đường biên giới cả trên bộ và trên biển, quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc đã hình thành và sẽ phát triển về lâu dài là một thực tế khách quan không thể đảo ngược. Tuy nhiên, trong hội nhập Trung Quốc là một thị trường lớn, nơi tập trung nhiều công ty đa quốc gia hàng đầu thế giới, có nhu cầu về nhiều mặt hàng của Việt Nam, chúng ta đã ký được nhiều hiệp định thương mại tự do chuẩn bị thực hiện; bởi vậy, quan điểm chủ đạo, xuyên suốt là phải phát triển quan hệ thương mại hai nước lên một tầm cao mới để tận dụng cơ hội bứt phá, coi Trung Quốc là một thị trường nhằm phát triển kinh tế thương mại chứ không phải là đối thủ cạnh tranh, càng không nên hạn chế buôn bán với Trung Quốc. Trong hội nhập kinh tế quốc tế nội lực của mỗi nước quyết định sức mạnh và hiệu quả hội nhập của nước đó.

Trước hết cần xây dựng chiến lược phát triển kinh tế theo hướng bền vững, đảm bảo trọng tâm là phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt vấn đề xã hội và môi trường trong quan hệ thương mại giữa hai nước. Không thể đẩy nền kinh tế thương mại vào lựa chọn giữa "thép và cá" như đã xảy ra.

Nguyên nhân cơ bản dẫn đến nhập siêu là do cơ cấu kinh tế lạc hậu và chậm đổi mới. Bởi vậy, giải pháp căn cơ nhất phải cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, phát triển các ngành công nghiệp chế tạo sản xuất ra thiết bị máy móc, nâng cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu, tăng tỷ trọng "xuất khẩu tinh" thay vì "xuất khẩu thô"; phát triển công nghiệp chế biến nông lâm hải sản nhất là những mặt hàng Việt Nam có lợi thế cạnh tranh để gia tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế nhằm thúc đẩy xuất khẩu có tốc độ tăng nhanh hơn tốc độ tăng nhập khẩu là giải pháp thiết thực hạn chế nhập siêu.

Đa dạng hóa quan hệ thương mại với các quốc gia trên thế giới, nâng tầm quan hệ thương mại với Mỹ, Nga, Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức, Ấn Độ và các quốc gia Liên minh Châu Âu... để tránh chỉ phụ thuộc vào một quốc gia nào đó.

Cải cách mạnh mẽ thể chế và tạo môi trường kinh doanh: "bình đẳng, công khai, minh bạch, thuận tiện và an toàn" thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân và cho các chủ thể kinh doanh trên thị trường. Phương hướng tạo ra môi trường này là hệ thống chính sách và luật pháp đơn giản, dễ hiểu theo tinh thần tối thượng của Hiến pháp: "Người dân được làm những gì mà pháp luật không cấm" (Quốc hội, 2013).

Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là từ các quốc gia có công nghệ hiện đại, tiên tiến phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và tiêu dùng trong nước để tăng nhanh tốc độ xuất khẩu, giảm nhập siêu.

4.2. Các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc

Để cải thiện cán cân thương mại, cần đẩy mạnh xuất khẩu nhiều hơn và tốc độ xuất khẩu tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nhập khẩu.

Tăng cường nghiên cứu nhu cầu của thị trường nội địa Trung Quốc để có biện pháp thúc đẩy xuất khẩu cho phù hợp với từng vùng miền, từng loại mặt hàng cụ thể. Trung Quốc là thị trường gần 1,4 tỷ người tiêu dùng, với dung lượng thị trường nhập khẩu khoảng hơn hai nghìn tỷ USD, thực sự là thị trường khổng lồ cho các doanh nghiệp Việt Nam. Phải nghiên cứu và đoán trước nhu cầu cụ thể của người tiêu dùng Trung Quốc mới có thể phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp.

Để đẩy mạnh xuất khẩu các doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam cần nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Muốn vậy cần cải tiến nâng cao chất lượng hàng hóa, hướng vào các sản phẩm xanh, sạch, gắn gũi với thiên nhiên và thân thiện với môi trường, chú trọng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Đẩy mạnh xuất khẩu những sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh, có năng lực cạnh tranh trên thị

trường, những sản phẩm mà Trung Quốc hiện đang thiếu và ngày càng thiếu như rau quả nhiệt đới: nhãn, dưa, vải thiều, chôm chôm, vú sữa; sữa và các sản phẩm từ sữa; sắn khô và các sản phẩm từ sắn; gỗ và các mặt hàng thủy hải sản khác... những mặt hàng này Việt Nam có lợi thế về vị trí địa lý, chi phí vận chuyển thấp có thể cạnh tranh được với các nước trong khu vực tại thị trường Trung Quốc.

Phát huy thế mạnh của các địa phương, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, nhất là thành phần kinh tế ngoài nhà nước phát triển sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm truyền thống của các vùng miền vào thị trường Trung Quốc.

Có chiến lược mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước mà Việt Nam đã ký kết Hiệp định thương mại tự do, để tận dụng cơ hội nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc.

4.3. Các giải pháp kiểm soát nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc

Ngày 5/11/2016, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, chỉ rõ: "Mục tiêu: Thực hiện tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế". Đây là định hướng chiến lược để phát triển kinh tế thương mại trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Về lâu dài trong quan hệ thương mại cần phát triển cả xuất khẩu và nhập khẩu để tăng quy mô của nền kinh tế, trước mắt khi chưa tăng trưởng mạnh mẽ xuất khẩu, cần kiểm soát chặt chẽ để hạn chế nhập khẩu, giảm nhập siêu.

Cần có tầm nhìn dài hạn hơn trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế thương mại, quy luật chung của các nền kinh tế là muốn giảm nhập khẩu trong thời gian đầu, bắt buộc phải áp dụng chiến lược "thay thế nhập khẩu", phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, các ngành công nghiệp phụ trợ, bảo đảm tự túc nguyên phụ liệu

tiến tới hạn chế nhập khẩu, giảm dần phụ thuộc nguyên vật liệu vào nhập khẩu.

Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, trong thời gian tới năm 2018, khi hàng rào thuế quan dỡ bỏ, bắt buộc phải có hàng rào phi thuế là các tiêu chuẩn chất lượng về hàng hóa nhập khẩu và thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn kỹ thuật để kiểm soát ngăn ngừa các sản phẩm không tốt vào thị trường nội địa, bảo vệ sản xuất trong nước. Cái khó ở đây là, khi dựng rào cản kỹ thuật thì phải áp dụng cả đối với hàng hóa sản xuất trong nước. Nếu xây dựng hàng rào kỹ thuật quá cao, có thể chặn được hàng hóa nước ngoài nhưng vô hình chúng ta lại "tiêu diệt" ngành sản xuất trong nước.

Trước mắt, Bộ Công Thương đề xuất từng bước không áp dụng hình thức tổng thầu EPC trong các dự án, đặc biệt là các dự án có sự tham gia của Trung Quốc. Điều này nhằm tách bạch việc thi công dự án với việc cung cấp thiết bị kém chất lượng cho các dự án do Trung Quốc thực hiện. Đồng thời, hạn chế và tiến tới cấm nhập khẩu các loại máy móc thiết bị không đảm bảo chất lượng và tiêu hao nhiều năng lượng từ Trung Quốc để sử dụng trong các dự án do doanh nghiệp Trung Quốc làm tổng thầu EPC.

Tăng cường sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại trong xử lý các tranh chấp thương mại với Trung Quốc. Khi quy mô buôn bán hai chiều tăng, tất yếu tranh chấp thương mại sẽ tăng lên, trong thời gian qua các doanh nghiệp Việt Nam chưa có kinh nghiệm sử dụng các công cụ này, có thể coi biện pháp này là "van" an toàn cuối cùng trong xu thế hội nhập sâu rộng để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng và các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp cần lưu giữ chứng từ, sổ sách, cộng tác chặt chẽ với cơ quan chức năng để xử lý tốt các tranh chấp thương mại.

Hoàn thiện chính sách phát triển thương mại Việt Nam nói chung và chính sách thương mại biên giới với Trung Quốc nói riêng, bảo đảm chủ động, linh hoạt trong hoạt động kinh doanh và điều hành hoạt động của các chủ thể kinh doanh thương mại biên giới để thúc đẩy xuất khẩu, giảm nhập siêu. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2016), *Nghị quyết số 06-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*.
2. Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân (2012), *Giáo trình Kinh tế thương mại*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
3. Nguyễn Văn Lịch, Từ Thanh Thủy, Đỗ Kim Chi, Bùi Thanh Thủy, (2008), *Nghiên cứu xây dựng một số giải pháp nhằm cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam trong quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ (Bộ Công thương).
4. Tổng cục Hải quan Việt Nam, *Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*; Nhà xuất bản Tài chính.
5. Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám thống kê 2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

Summary

Vietnam shares a border line of over 1,450 kilometres with China, stretching from the Northeast to the Northwest. After many historical ups and downs, in 2008, leaders of the two countries agreed to build up bilateral strategic partnership. Recently, the trade turnover of the two countries have increased sharply. In 2015, the total import-export earnings between the two countries reached US\$66.6 billion, of which Vietnam ran a deficit of US\$32.385 billion. This research bases on the theories of trade balance to analyze the situation and structures of import – export between the two countries in the 2011 – 2015 period to identify the reasons for Vietnams trade deficits and suggest solutions to improving its trade balance, fostering exports and controlling imports.